

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Thường Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Tuyên
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 423/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Phương T, sinh năm: 1992 (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: 832 H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Kim B, sinh năm: 1986 (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: C4/20HA8 đường P, ấp B, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 25/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T trình bày:*

Bà và ông Trần Kim B bắt đầu chung sống từ năm 2019, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/5/2019. Thời gian đầu bà và ông B chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông B thường hay quát nạt, đập phá đồ đạc mỗi khi hai vợ chồng xảy ra bất đồng, ông B có lời nói, thái độ không tôn trọng cha mẹ vợ và không quan tâm, chăm sóc con chung. Do đó bà và ông B sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Trong quá trình sống ly thân ông B cũng không quan tâm hỏi thăm, chu cấp gì cho con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Kim B.

Về con chung: Bà và ông B có 01 con chung tên Trần Hoàng Thảo N (giới tính: nữ), sinh ngày 04/11/2019. Hiện tại con đang sống cùng bà và cha mẹ ruột bà. Ban ngày bà đi làm thì có cha mẹ bà phụ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tại bà đang làm việc văn phòng có thu thập ổn định nên khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

*Tại bản tự khai ngày 16/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm – Bị đơn ông Trần Kim B trình bày:*

Ông xác nhận thời gian quen biết, chung sống, thời gian kết hôn theo như lời trình bày nêu trên của bà Hoàng Thị Phương T. Tuy nhiên ông cảm nhận tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T có thể hàn gắn được, ông muốn hòa giải đoàn tụ với bà T. Do đó ông không đồng ý ly hôn. Về các vấn đề khác ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà T là do ông nóng tính, áp lực của gia đình và công việc, ông và bà T bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con, từ khi ly thân đến nay ông có đến thăm con và có gửi tiền cho con. Ông không đồng ý ly hôn với bà T và mong muốn Tòa án cho vợ chồng ông được đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà T có 01 con chung tên Trần Hoàng Thảo Nguyên (giới tính: nữ), sinh ngày 04/11/2019. Hiện tại con đang sống cùng bà T, nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng vì ông thấy rằng con sống với mẹ sẽ tốt hơn.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Kim B. Ông B có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xác định giữa bà và ông B phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông B có lời nói, thái độ không tôn trọng cha mẹ vợ và không quan tâm, chăm sóc con chung. Trong quá trình bà và ông B sống ly thân ông B cũng không quan tâm hỏi thăm, chu cấp gì cho con. Mâu thuẫn giữa bà và ông B không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà T cương quyết yêu cầu được ly hôn, bà không đồng ý đoàn tụ với ông B.

[5] Còn ông B cho rằng vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì trầm trọng, mặc dù đã sống ly thân trong thời gian qua nhưng ông cảm thấy cuộc sống vợ chồng có thể hàn gắn được, ông vẫn còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu được đoàn tụ với bà T vì con còn nhỏ.

[6] Xét thấy: Theo công văn số 3264/UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Phương T và ông Trần Kim B như sau: *“Nguyên nhân mâu thuẫn: trong việc chăm sóc con; Về cháu Trần Hoàng T Nguyên, sinh ngày 04/11/2019 hiện sống cùng mẹ bé là bà Hoàng Thị Phương T (hiện đang sống cùng nhà mẹ ruột bà T); ngoài ra địa phương không nắm thông tin gì khác”*.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông B không đồng ý ly hôn là do ông cảm nhận tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn, ông còn thương vợ thương con nhưng ông B không đưa ra được phương cách nào để hòa giải đoàn tụ, thuyết phục bà T đồng ý đoàn tụ với ông, còn bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, bà T xác định bà đã hết tình cảm vợ chồng với ông B và mong muốn cuộc sống hôn nhân chấm dứt.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo kết quả trả lời xác minh của địa phương về tình trạng hôn nhân, theo trình bày của các đương sự thì mâu thuẫn giữa bà T, ông B là có thật và xuất phát từ quá trình sống chung giữa bà T, ông B. Hơn nữa, bà T, ông B đã có thời gian sống ly thân được một khoảng thời gian tương đối dài để cùng nhìn nhận, suy nghĩ kỹ lưỡng về tình trạng hôn nhân. Trong suốt thời gian sống ly thân cho đến phiên tòa sơ thẩm hai bên vẫn không thể hàn gắn, không thể dung hòa mâu thuẫn để tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà T, ông B đã không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Yêu cầu được đoàn tụ của ông B không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà T, ông B xác nhận có một con chung tên Trần Hoàng Thảo Nguyên, sinh ngày 04/11/2019. Hiện tại cháu N đang sống cùng bà T ở nhà cha mẹ ruột bà T.

Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Còn ông B xác định nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà T thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

*“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi*

*đường, giao dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*

[9] Căn cứ bản sao trích lục khai sinh số 835/TLKS-BS ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định tính đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm cháu Trần Hoàng T Nguyên, sinh ngày 04/11/2019 thuộc trường hợp con dưới 36 tháng tuổi.

[10] Hơn nữa, theo sự xác nhận của các đương sự thì từ khi bà T sinh con, xảy ra mâu thuẫn vợ chồng với ông B cho đến nay thì bà T vẫn đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, cháu N phát triển tốt về thể chất và nhận thức. Hội đồng xét xử xem xét đến khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần, sự phát triển tốt nhất cho con nhỏ nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Hoàng Thảo N cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

[11] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xác định không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa theo các tài liệu do bà T cung cấp thể hiện bà T hiện đang có công việc hành chính, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 15 triệu đồng, hàng ngày bà T vẫn có cha mẹ ruột bà phụ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà T, không yêu cầu ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

[12] Về tài sản chung: Bà T, ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của các đương sự, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[13] Về nợ chung: Bà T, ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của các đương sự, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[14] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[15] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T đối với bị đơn ông Trần Kim B về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Kim B. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Phương T và ông Trần Kim B chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Hoàng Thị Phương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng Thảo N (giới tính: nữ), sinh ngày 04/11/2019. Ghi nhận bà Hoàng Thị Phương T không yêu cầu ông Trần Kim B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Kim B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Hoàng Thị Phương T và ông Trần Kim B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Hoàng Thị Phương T và ông Trần Kim B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0081322 ngày 09/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoàng Thị Phương T đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2).

**Lý Thường Đông**

